

Bản án số: 06/2026/KDTM-PT

Ngày 15 - 4 - 2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Sâm và ông Bùi Văn Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2026/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2025/KDTM-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2026/QĐXXPT-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐ-PT ngày 16/3/2026 và số 12/2026/QĐ-PT ngày 31/3/2026.

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T1; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn H - Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, Công ty H2 - Đoàn Luật sư tỉnh N. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH G; địa chỉ: Lô C khu công nghiệp G, xã G, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông ENG CHENG CHUAN - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Bùi Thị Ngọc A - Trưởng phòng sự Công ty TNHH G. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H1 - Luật sư thuộc Văn phòng L và Cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh N. Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2022 và bản tự khai của Nguyên đơn cho rằng: Ngày 17/7/2022, Công ty TNHH G và Công ty TNHH T1 đã ký hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 01/HDDV/2022 với nội dung như sau: Theo đó, bên Công ty TNHH G (gọi bên A) đồng ý sử dụng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp của Công ty TNHH T1 (gọi là bên B) gồm các công việc liên quan đến quản lý vệ sinh khu vực bếp ăn công nghiệp, khử trùng dụng cụ chế biến, đồ dùng, đồ chứa và vận chuyển thức ăn tại khu nhà bếp và nhà ăn của bên A. Thời hạn và hiệu lực hợp đồng từ ngày 18/7/2022 đến ngày 17/7/2023 và tự động gia hạn 12 tháng nếu trước 30 ngày cuối của hợp đồng mà không có văn bản về việc thông báo chấm dứt hợp đồng.

Hàng tháng bên A sẽ cho cán bộ, công nhân viên đánh giá chất lượng dịch vụ ăn uống của bên B vào 24 hàng tháng. Nếu điểm bình quân đánh giá từ 50% tổng số điểm đạt từ 6 trở lên thì bên B vẫn duy trì cung cấp dịch vụ suất ăn. Nếu điểm bình quân đánh giá trên 50% tổng số điểm dưới 6 do công nhân đánh giá thì bên A sẽ gửi văn bản đề nghị bên B điều chỉnh chất lượng ăn uống trong thời gian 7 ngày cho bên A đánh giá lại, nếu vẫn trên 50% số điểm dưới 6 thì bên A có quyền thanh lý hợp đồng và thông báo trước cho bên B ít nhất 30 ngày sau khi giải quyết mọi phát sinh nếu có.

Thực hiện hợp đồng dịch vụ trên, Công ty TNHH T1 đã chấp hành nghiêm chỉnh nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Gần nhất số điểm do công nhân bên A đánh giá vẫn đạt trên 50% số điểm trên 6 nhưng ngày 15/7/2023 thì Công ty TNHH T1 nhận được biên bản thanh lý hợp đồng số 15072023 và văn bản thông báo của Công ty TNHH G yêu cầu Công ty TNHH T1 đúng 14 giờ ngày 17/7/2023 phải có mặt để kiểm kê, bàn giao lại toàn bộ tài sản, thiết bị nhà bếp thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH G đồng thời phải di dời toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH T1 ra khỏi khuôn viên Công ty TNHH G.

Nhận thấy hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty TNHH G là trái pháp luật nên Công ty TNHH T1 đã yêu cầu Công ty TNHH G phải nghiêm túc thực hiện hợp đồng dịch vụ đã ký nhưng không được chấp nhận.

Vì vậy Công ty TNHH T1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình) buộc Công ty TNHH G phải tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ số 01/HDDV/2022 ngày 17/7/2022 và bồi thường thiệt hại do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật của Công ty TNHH G. Cụ thể:

Bồi thường cho người lao động do phải chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn là 260.346.000 đồng; Thu nhập bị mất do hành vi chấm dứt hợp

đồng trái pháp luật của Công ty TNHH G, thời điểm bị thiệt hại từ ngày 18/7/2023 đến ngày 17/7/2024 là 299 ngày với lợi nhuận của Công ty TNHH T1 là 500đồng/xuất ăn với 1.650 xuất ăn/ngày với số tiền là 246.675.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH G phải bồi thường là 507.021.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà sơ thẩm ông Đinh Văn H đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị Toà giải quyết buộc Công ty TNHH G phải tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ số 01/HDDV/2022 ngày 17/7/2022 và bồi thường cho người lao động do phải chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn cho Công ty TNHH T1 là 260.346.000 đồng, mà chỉ đề nghị Toà giải quyết buộc Công ty TNHH G bồi thường tiền thu nhập bị mất do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật từ ngày 18/7/2023 đến ngày 17/7/2024 cho Công ty TNHH T1 với số tiền là 263.389.500đ (526.779 xuất x 500đ lợi nhuận thu được = 263.389.500đ)

- Bị đơn (Đại diện theo ủy quyền của bị đơn) có ý kiến như sau:

Việc ký kết hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn cho công nhân giữa Công ty TNHH G và Công ty TNHH T1 như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty TNHH G đã tuân thủ thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của bên A theo hợp đồng. Khi hết thời hạn hợp đồng, Công ty TNHH G đã thông báo cho Công ty TNHH T1 về việc không gia hạn hợp đồng (cụ thể: gửi công văn đề ngày 12/6/2023 và 15/6/2023 cho anh T là quản lý của Mạnh A1, cho nhân viên của M khi chị Ngọc A thông báo suất ăn ngày 15/6/2023, ngoài ra chị Ngọc A cũng gọi điện thông báo về việc gửi công văn cho ông H Giám đốc của Công ty T1), yêu cầu Công ty TNHH T1 đến ký thanh lý hợp đồng và bàn giao lại các tài sản đã mượn của Công ty TNHH G cũng như di chuyển các tài sản, vật tư, trang thiết bị của Công ty TNHH T1 ra khỏi khu vực bếp của Công ty TNHH G. Công ty TNHH T1 đã nhận được các văn bản, nhưng không hợp tác.

Công ty TNHH G xác định không có nhu cầu tiếp tục gia hạn hợp đồng với Công ty TNHH T1, nên căn cứ vào Điều 7 của hợp đồng Công ty TNHH G không tiếp tục gia hạn hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 01/HDDV/2022 là đúng. Nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1. Về chi phí quản lý tài sản của Công ty TNHH T1, Công ty TNHH G sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác khi xét thấy có nhu cầu.

* Bản án số 05/2025/KDTM-ST ngày 28/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385; Điều 386 và khoản 1 Điều 428; Điều 513 và Điều 514 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 về việc: tuyên bố hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ cung cấp xuất ăn công nghiệp số 01/HDDV/2022, ngày 17/7/2022 của Công ty TNHH G là trái pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của Công ty TNHH T1 tiền thu nhập bị mất từ ngày 18/7/2023 đến ngày 17/7/2024 là 526.779 suất ăn x 500đ lợi nhuận thu được = **263.389.500đ** về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ cung cấp xuất ăn công nghiệp số 01/HDDV/2022, ngày 17/7/2022 của Công ty TNHH G.

Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH T1 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không giá ngạch là 3.000.000đ và có giá ngạch là 13.169.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004321 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn. Công ty TNHH T1 còn phải nộp 15.869.000đ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

* Trong thời hạn luật định ngày 11 tháng 11 năm 2025, nguyên đơn Công ty TNHH T1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm huỷ Bản án số 01/2025/KDTM-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty TNHH G và Công ty TNHH T1 thỏa thuận như sau: Công ty G trợ cho Công ty TNHH T1 tiền chấm dứt hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 01/HDDV/2022 là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Về án phí sơ thẩm: Công ty T1 tự nguyện chịu toàn bộ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có ý kiến như sau: Thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Đề nghị căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự công nhận thỏa thuận đương sự. Và sửa Bản án số 01/2025/KDTM-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nghe lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nghe ý kiến Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH T1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên vụ án thuộc thẩm quyền của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty G1) và Công ty TNHH T1 thỏa thuận như sau: Công ty G trợ cho Công ty TNHH T1 tiền chấm dứt hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 01/HDDV/2022 là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Về án phí sơ thẩm: Công ty T1 tự nguyện chịu toàn bộ.

Xét, thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận các đương sự.

Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH T1 phải nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004321 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn và tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp ngày 17/11/2025 là 3.000.000 đồng tại Biên lai số 0002898 Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình, còn phải nộp tiếp là 1.7000.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH T1 không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận thỏa thuận các đương sự. Và sửa Bản án số 05/2025/KDTM-ST ngày 28/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH G thanh toán cho Công ty TNHH T1 là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH T1 phải nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004321 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn và tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp ngày 17/11/2025 là 3.000.000 đồng tại Biên lai số 0002898 Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình, còn phải nộp tiếp là 1.7000.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND khu vực 3 - Ninh Bình;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Trường